

DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KỶ QUÝ THÁNG 02/2026
TẠI CTCP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Ngày áp dụng: 10/02/2026

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 02/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T02/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Thay đổi	
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	100	40	40	-	11,960
2	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	100	50	50	-	37,280
3	AGG	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	100	40	40	-	21,980
4	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	100	50	50	-	39,300
5	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	100	30	30	-	9,620
6	BAF	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	100	50	50	-	48,980
7	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP	100	40	40	-	114,080
8	BFC	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	100	50	50	-	70,430
9	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	100	50	50	-	37,500
10	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	-	79,500
11	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	100	50	50	-	28,880
12	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	100	50	50	-	240,150
13	BSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	-	53,800
14	BSR	Công ty cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	100	50	50	-	27,820
15	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	100	30	30	-	12,750
16	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	100	50	50	-	100,020
17	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	100	50	50	-	45,450
18	BWE	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	100	50	50	-	69,750
19	CCL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	100	30	30	-	9,000
20	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	80	40	40	-	20,000
21	CEO	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	100	30	30	-	20,300
22	CII	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	-	18,550
23	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	100	50	50	-	87,000
24	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	100	50	50	-	56,480
25	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	100	50	50	-	39,000
26	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	100	30	30	-	19,730
27	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	100	50	50	-	36,300
28	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecons	100	40	40	-	111,150
29	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	100	50	50	-	60,300
30	CTR	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	100	50	50	-	113,320
31	CTS	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	100	50	50	-	48,900
32	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	100	50	50	-	42,380
33	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	100	30	30	-	16,800
34	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	100	40	40	-	30,000

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 02/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T02/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Thay đổi	
35	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	100	50	50	-	53,250
36	DGC	Công ty Cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	100	50	50	-	103,500
37	DGW	Công ty cổ phần Thế giới số	100	50	50	-	61,420
38	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	100	50	40	10	97,350
39	DHC	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	100	50	50	-	51,000
40	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	100	50	50	-	150,680
41	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	100	30	30	-	42,670
42	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	100	50	50	-	23,330
43	DNP	Công ty Cổ phần DNP Holding	100	50	50	-	25,000
44	DPG	Công ty Cổ phần Đạt Phương	100	50	50	-	50,710
45	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	100	50	50	-	24,350
46	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	100	50	50	-	61,200
47	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	100	30	30	-	23,100
48	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	100	50	50	-	63,230
49	DVP	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	100	50	50	-	108,000
50	DXG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	100	30	30	-	22,800
51	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	100	50	50	-	21,000
52	EVF	Công ty Tài Chính cổ phần Điện lực	100	50	50	-	15,000
53	FCN	Công ty Cổ phần Fecon	100	50	50	-	16,000
54	FIR	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	100	30	30	-	10,740
55	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	100	50	50	-	55,500
56	FPT	Công ty Cổ phần FPT	100	50	50	-	141,470
57	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	100	50	50	-	102,230
58	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	100	50	50	-	35,000
59	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	100	50	50	-	165,000
60	GEE	Công ty cổ phần Điện lực Gelex	100	40	50	(10)	137,010
61	GEG	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	100	50	50	-	22,430
62	GEX	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	100	50	50	-	21,000
63	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	100	50	50	-	70,000
64	GSP	Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	100	40	40	-	16,730
65	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	100	50	50	-	52,920
66	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	100	50	50	-	89,700
67	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	100	30	30	-	16,730
68	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	100	50	50	-	35,630
69	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	-	43,580
70	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	100	40	40	-	32,030
71	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	100	50	50	-	38,850
72	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	100	30	30	-	93,540
73	HHV	CTCP Quản lý và Khai thác Hầm Đường Bộ Hải Vân	100	30	30	-	18,980
74	HMR	Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai	100	30	30	-	17,400
75	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	100	50	50	-	35,040

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 02/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T02/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Thay đổi	
76	HQC	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	100	10	20	(10)	4,380
77	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	100	50	50	-	24,450
78	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	100	20	20	-	11,820
79	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	100	50	50	-	16,000
80	IDC	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	100	50	50	-	70,200
81	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	100	30	30	-	10,140
82	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	100	40	40	-	16,050
83	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	100	50	50	-	80,400
84	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	100	50	50	-	51,350
85	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	100	30	30	-	75,600
86	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	100	40	40	-	43,050
87	KHP	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	100	40	40	-	18,300
88	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	100	50	50	-	24,190
89	LCG	Công ty cổ phần LICOGI 16	100	30	30	-	15,530
90	LIG	Công ty Cổ phần Licogi 13	100	20	20	-	6,000
91	LIX	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	100	50	50	-	60,750
92	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	100	50	50	-	56,230
93	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	100	50	50	-	40,500
94	MBS	Công ty cổ phần Chứng khoán MB	100	50	50	-	39,450
95	MSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	100	50	50	-	18,750
96	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	100	50	50	-	90,000
97	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	100	50	50	-	119,990
98	NAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	100	50	50	-	21,980
99	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	100	40	50	(10)	57,450
100	NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bầy Bầy	100	30	30	-	27,530
101	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	100	50	50	-	142,500
102	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	100	50	50	-	102,000
103	NKG	CTCP Thép Nam Kim	100	50	50	-	18,070
104	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	100	50	50	-	44,700
105	NNC	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	100	50	50	-	85,800
106	NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	100	50	50	-	39,150
107	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	100	20	30	(10)	26,030
108	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	100	50	50	-	95,850
109	OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	100	50	50	-	17,930
110	PAC	Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	100	50	50	-	20,470
111	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	100	50	50	-	43,350
112	PC1	Công ty cổ phần Xây lắp điện I	100	50	50	-	34,880
113	PDR	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	100	50	50	-	20,000
114	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	100	50	50	-	35,000
115	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex-CTCP	100	50	50	-	21,450

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 02/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T02/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Thay đổi	
116	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	35,850
117	PGS	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	100	50	50	-	79,200
118	PHC	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	100	30	20	10	7,580
119	PHR	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	100	40	40	-	93,900
120	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP	100	50	50	-	53,850
121	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	100	40	50	(10)	88,650
122	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	100	50	50	-	164,850
123	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	20,150
124	PVB	Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	40,000
125	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	100	50	50	-	16,640
126	PVD	CTCP Khoan và Dịch vụ Dầu Khí	100	50	50	-	36,530
127	PVG	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	100	50	50	-	8,620
128	PVI	Công ty Cổ phần PVI	100	50	50	-	141,070
129	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	62,100
130	PVT	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	100	50	50	-	30,750
131	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	100	50	50	-	93,150
132	S99	Công ty Cổ phần SCI	100	30	30	-	13,500
133	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	100	50	50	-	75,900
134	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	100	50	50	-	7,000
135	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	100	50	50	-	45,150
136	SBT	Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	100	30	30	-	36,000
137	SCR	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	100	40	30	10	9,890
138	SCS	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	100	50	50	-	83,250
139	SHB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	-	15,680
140	SHI	Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà	70	40	40	-	15,000
141	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	-	28,650
142	SIP	Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	100	50	50	-	84,150
143	SJS	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	100	50	50	-	50,000
144	SLS	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	100	50	50	-	242,100
145	SRC	Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	100	50	50	-	48,310
146	SSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	100	50	50	-	20,000
147	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	100	50	50	-	45,630
148	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	100	50	50	-	93,150
149	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	100	40	40	-	32,030
150	SZC	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	100	50	50	-	40,030
151	SZL	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	100	50	50	-	74,630
152	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	100	50	50	-	53,700
153	TCH	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	100	40	40	-	22,650
154	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	100	40	40	-	41,100

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 02/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T02/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Thay đổi	
155	TDM	CTCP Nước Thủ Dầu Một	100	40	50	(10)	66,400
156	TIP	Công ty cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	100	40	40	-	28,500
157	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	100	50	50	-	77,100
158	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	100	40	40	-	45,750
159	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	100	50	50	-	30,300
160	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	100	50	50	-	25,800
161	TPP	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	100	50	50	-	10,400
162	TRA	Công ty Cổ phần TRAPHACO	100	50	50	-	108,600
163	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	100	50	50	-	121,800
164	TTL	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	100	50	50	-	8,000
165	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	100	50	50	-	40,000
166	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	100	50	50	-	21,830
167	VAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á	100	50	-	50	23,090
168	VC3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	100	50	50	-	20,000
169	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	100	50	50	-	102,430
170	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	100	50	50	-	34,430
171	VCI	Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt	100	50	50	-	52,500
172	VCS	Công ty cổ phần VICOSTONE	100	50	50	-	66,600
173	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	100	40	40	-	25,430
174	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	100	50	50	-	70,800
175	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	100	50	40	10	42,150
176	VHC	Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn	100	50	50	-	93,000
177	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	100	50	50	-	161,030
178	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	100	50	50	-	26,700
179	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	100	50	50	-	40,000
180	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	100	50	50	-	19,130
181	VIX	Công ty cổ phần Chứng khoán IB	100	50	50	-	12,000
182	VJC	Công ty cổ phần Hàng không VietJet	100	40	40	-	97,030
183	VND	Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	100	50	50	-	28,500
184	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	100	50	50	-	101,590
185	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	100	50	50	-	43,580
186	VPI	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	100	30	30	-	63,570
187	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	100	50	50	-	46,880
188	VSC	Công ty cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	100	40	40	-	20890
189	VTP	Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	100	50	50	-	100000
190	AAM	Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong	0	0			0
191	ABR	công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt	0	0			0
192	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	0	0			0
193	ACC	Công ty cổ phần Bê tông Becamex	0	0			0
194	ACG	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 02/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T02/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Thay đổi	
195	ACL	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	0	0			0
196	ADC	Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	0	0			0
197	ADG	Công ty Cổ phần Clever Group	0	0			0
198	ADP	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	0	0			0
199	ADS	Công ty cổ phần Damsan	0	0			0
200	AGR	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	50	0			0
201	ALT	Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	0	0			0
202	AMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu	0	0			0
203	AME	Công ty Cổ phần Alphanam E&C	0	0			0
204	APG	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát	50	0			0
205	ARM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	0	0			0
206	ASG	Công ty cổ phần Tập đoàn ASG	0	0			0
207	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	0	0			0
208	ATS	Công ty cổ phần Suất ăn công nghiệp Atesco	0	0			0
209	BAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	0	0			0
210	BAX	Công ty Cổ phần Thống Nhất	0	0			0
211	BBS	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn	0	0			0
212	BCE	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	0	0			0
213	BCF	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	0	0			0
214	BED	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	0	0			0
215	BHN	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	0	0			0
216	BKC	CTCP Khoáng sản Bắc Kan	0	0			0
217	BKG	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	0	0			0
218	BMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0			0
219	BPC	Công ty cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	0	0			0
220	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	0	0			0
221	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
222	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	0	0			0
223	BXH	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	0	0			0
224	C69	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	0	0			0
225	CAN	CTCP Đồ hộp Hạ Long	0	0			0
226	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	0	0			0
227	CAR	CTCP Tập đoàn Giáo dục Trí Việt	0	0			0
228	CCC	Công ty cổ phần Xây dựng CDC	0	0			0
229	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Cù Chi	0	0			0
230	CCR	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	0	0			0
231	CDN	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	0	0			0
232	CHP	Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung	0	0			0
233	CIA	Cô phiêu Công ty cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	0	0			0
234	CJC	CTCP Cơ điện Miền Trung	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 02/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T02/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Thay đổi	
235	CKG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang	0	0			0
236	CKV	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cokyvina	0	0			0
237	CLH	Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	0	0			0
238	CLL	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	0	0			0
239	CLM	CTCP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	0	0			0
240	CLW	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	0	0			0
241	CMC	Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	0	0			0
242	CMS	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	0	0			0
243	CMV	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	0	0			0
244	COM	Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	0	0			0
245	CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	0	0			0
246	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	50	0			0
247	CRE	Công ty cổ phần Bất động sản Thế Kỷ	50	0			0
248	CSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	0	0			0
249	CST	Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV	0	0			0
250	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	0	0			0
251	CTF	Công ty cổ phần City Auto	50	0			0
252	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	50	0			0
253	CTP	Công ty cổ phần Hòa Bình Takara	0	0			0
254	CTT	CTCP Chế tạo máy Vinacomin	0	0			0
255	CVT	Công ty Cổ phần CMC	0	0			0
256	CX8	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	0	0			0
257	D11	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	0	0			0
258	D2D	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	0	0			0
259	DAD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	0	0			0
260	DAE	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	0	0			0
261	DAT	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	0	0			0
262	DBD	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	0	0			0
263	DC2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	0	0			0
264	DC4	Công ty Cổ phần DIC số 4	50	0			0
265	DIH	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	0	0			0
266	DL1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai	0	0			0
267	DMC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	0	0			0
268	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	0	0			0
269	DP3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	0	0			0
270	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3	0	0			0
271	DSC	Công ty cổ phần Chứng khoán DSC	0	0			0
272	DSE	CTCP Chứng khoán DNSE	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 02/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T02/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Thay đổi	
273	DST	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	0	0			0
274	DTA	Công ty Cổ phần Đệ Tam	0	0			0
275	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	50	0			0
276	DTG	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	0	0			0
277	DTK	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP	0	0			0
278	DTT	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	0	0			0
279	DVM	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	50	0			0
280	DXP	Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá	50	0			0
281	DXS	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	50	0			0
282	EBS	Cổ phiếu CTCP Sách giáo dục tại Tp Hà Nội	0	0			0
283	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	0	0			0
284	ELC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	50	0			0
285	EVE	Công ty cổ phần Everpia	0	0			0
286	EVG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	0	0			0
287	EVS	Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Everest	50	0			0
288	FCM	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	0	0			0
289	FIT	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	0	0			0
290	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	0	0			0
291	GIC	Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh	0	0			0
292	GLT	CTCP Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	0	0			0
293	GMH	Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị	0	0			0
294	GMX	Công ty cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	0	0			0
295	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	0	0			0
296	HAD	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	0	0			0
297	HAG	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	50	0			0
298	HAR	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Tháo Điện	0	0			0
299	HAT	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	0	0			0
300	HCC	Công ty Cổ phần Bê tông Hoà Cầm - Intimex	0	0			0
301	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	0	0			0
302	HDA	CTCP Hăng sơn Đông Á	0	0			0
303	HGM	Cổ phiếu CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	0	0			0
304	HHP	Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	50	0			0
305	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	50	0			0
306	HII	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	0	0			0
307	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	0	0			0
308	HKT	Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh	0	0			0
309	HLC	CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin	0	0			0
310	HLD	CTCP Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 02/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T02/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Thay đổi	
311	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	0	0			0
312	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	0	0			0
313	HNA	Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	0	0			0
314	HPX	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	0	0			0
315	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	0	0			0
316	HSL	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La	0	0			0
317	HT1	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	0	0			0
318	HTC	Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	0	0			0
319	HTG	Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ	0	0			0
320	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	0	0			0
321	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	0	0			0
322	HTV	Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	0	0			0
323	HU1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	0	0			0
324	HUB	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	0	0			0
325	HVH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	0	0			0
326	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	0	0			0
327	ICT	Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	0	0			0
328	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	0	0			0
329	ILB	Cổ phiếu Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	0	0			0
330	INC	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	0	0			0
331	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	0	0			0
332	IPA	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	50	0			0
333	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	0	0			0
334	ITD	Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	0	0			0
335	ITQ	Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	0	0			0
336	IVS	Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam	0	0			0
337	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khai Hoàn Land	50	0			0
338	KHS	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	0	0			0
339	KMR	Công ty Cổ phần Mirae	0	0			0
340	KMT	Công ty cổ phần Kim khí miền Trung	0	0			0
341	KOS	Công ty Cổ phần Kosy	0	0			0
342	KSF	Công ty cổ phần Tập đoàn KSFinance	0	0			0
343	KST	Công ty cổ phần KASATI	0	0			0
344	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	0	0			0
345	KTS	Công ty cổ phần Đường Kon Tum	0	0			0
346	L10	Công ty cổ phần Lilama 10	0	0			0
347	L14	Công ty CP LICOGI 14	50	0			0
348	L18	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	0	0			0
349	L40	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	0	0			0
350	LAF	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	0	0			0
351	LAS	Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	50	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 02/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T02/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Thay đổi	
352	LBE	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA	0	0			0
353	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	0	0			0
354	LCD	ctcp Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	0	0			0
355	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	0	0			0
356	LGL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	0	0			0
357	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	0	0			0
358	LHG	Công ty cổ phần Long Hậu	0	0			0
359	LM8	Công ty Cổ phần Lilama 18	0	0			0
360	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	0	0			0
361	MAC	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	0	0			0
362	MBG	CTCP Tập Đoàn MBG	0	0			0
363	MCC	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp	0	0			0
364	MCF	CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	0	0			0
365	MCM	CTCP Giống bò sữa Mộc Châu	0	0			0
366	MCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam	0	0			0
367	MCP	Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	0	0			0
368	MDC	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	0	0			0
369	MEL	Công ty Cổ phần Thép Mê Lin	0	0			0
370	MHC	Công ty Cổ phần MHC	0	0			0
371	MIC	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam	0	0			0
372	MIG	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	50	0			0
373	MKV	Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy	0	0			0
374	MSH	Công ty cổ phần May Sông Hồng	50	0			0
375	MST	CTCP Đầu tư MST	50	0			0
376	MVB	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	0	0			0
377	NAG	Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa	50	0			0
378	NAP	Công ty cổ phần Cánh Nghệ Tĩnh	0	0			0
379	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	0	0			0
380	NBC	Công ty cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin	0	0			0
381	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	0	0			0
382	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	50	0			0
383	NDX	CTCP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	0	0			0
384	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	0	0			0
385	NHA	Tông Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	50	0			0
386	NHC	CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp	0	0			0
387	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	0	0			0
388	NHT	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	0	0			0
389	NO1	Công ty cổ phần Tập đoàn 911	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 02/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T02/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Thay đổi	
390	NSC	Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	0	0			0
391	NSH	Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	0	0			0
392	NST	Cổ phiếu CTCP Ngân Sơn	0	0			0
393	NTH	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Nước trong	0	0			0
394	ONE	CTCP Công nghệ ONE	0	0			0
395	OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	0	0			0
396	ORS	Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Đông	50	0			0
397	PBP	Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	0	0			0
398	PCE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	0	0			0
399	PCH	Công ty cổ phần Nhựa Picomat	50	0			0
400	PCT	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	0	0			0
401	PDB	Công ty Cổ phần Pacific Dinco	0	0			0
402	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	0	0			0
403	PGI	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	0	0			0
404	PGV	Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	0	0			0
405	PHN	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	0	0			0
406	PIA	Công ty cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	0	0			0
407	PIC	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	0	0			0
408	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	0	0			0
409	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	0	0			0
410	PLP	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	0	0			0
411	PMB	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	0	0			0
412	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	0	0			0
413	PMP	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	0	0			0
414	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	0	0			0
415	PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	0	0			0
416	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	50	0			0
417	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	0	0			0
418	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	0	0			0
419	PPT	Công ty cổ phần Petro Times	0	0			0
420	PPY	CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	0	0			0
421	PRC	Công ty Cổ phần Logistics Portserco	0	0			0
422	PRE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	0	0			0
423	PSC	Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	0	0			0
424	PSD	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	50	0			0
425	PSE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 02/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T02/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Thay đổi	
426	PSW	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	0	0			0
427	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	50	0			0
428	PTC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	0	0			0
429	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	0	0			0
430	PTS	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	0	0			0
431	PTX	CTCP Vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	0	0			0
432	PVP	Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	50	0			0
433	QCG	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	0	0			0
434	QHD	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức	0	0			0
435	QNP	CTCP Cảng Quy Nhơn	0	0			0
436	QST	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	0	0			0
437	QTC	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	0	0			0
438	RAL	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	0	0			0
439	RCL	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	0	0			0
440	RYG	Công ty cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	50	0			0
441	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	0	0			0
442	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	0	0			0
443	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	0	0			0
444	SBG	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	50	0			0
445	SC5	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	0	0			0
446	SCG	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	0	0			0
447	SCI	Công ty Cổ phần SCI E&C	0	0			0
448	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	0	0			0
449	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	0	0			0
450	SDC	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	0	0			0
451	SDG	Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ	0	0			0
452	SDN	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	0	0			0
453	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung	0	0			0
454	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	0	0			0
455	SFC	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	0	0			0
456	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	0	0			0
457	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	0	0			0
458	SFN	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	0	0			0
459	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	0	0			0
460	SGH	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	0	0			0
461	SGN	Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	0	0			0
462	SGR	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	50	0			0
463	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 02/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T02/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Thay đổi	
464	SHA	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	0	0			0
465	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	0	0			0
466	SHN	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	0	0			0
467	SHP	Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam	0	0			0
468	SJ1	Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	0	0			0
469	SJD	CTCP THUY DIEN CAN DON	0	0			0
470	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	0	0			0
471	SKG	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	0	0			0
472	SMB	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	0	0			0
473	SMN	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	0	0			0
474	SPM	Công ty Cổ phần S.P.M	0	0			0
475	SSC	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	0	0			0
476	ST8	Công ty Cổ phần Siêu Thanh	0	0			0
477	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh	0	0			0
478	STK	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỷ	0	0			0
479	STP	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	0	0			0
480	SVN	Công ty cổ phần SOLAVINA	0	0			0
481	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	0	0			0
482	SZB	Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	0	0			0
483	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	0	0			0
484	TBC	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	0	0			0
485	TCI	CTCP Chứng Khoán Thành Công	50	0			0
486	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	0	0			0
487	TCO	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	50	0			0
488	TCT	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	0	0			0
489	TD6	Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV	0	0			0
490	TDC	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	50	0			0
491	TDG	Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương	0	0			0
492	TDP	Công ty cổ phần Thuận Đức	50	0			0
493	TDT	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	0	0			0
494	TDW	CTCP CAP NUOC THU DUC	0	0			0
495	TEG	Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	0	0			0
496	TET	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	0	0			0
497	TFC	Công ty Cổ phần Trang	0	0			0
498	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	0	0			0
499	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	0	0			0
500	THS	Công ty cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà	0	0			0
501	TIG	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	50	0			0
502	TJC	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 02/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T02/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Thay đổi	
503	TKU	CTCP Công nghiệp Tungkuang	0	0			0
504	TLD	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	0	0			0
505	TMB	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	0	0			0
506	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Thủ Đức	0	0			0
507	TMP	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	0	0			0
508	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	0	0			0
509	TMX	Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng	0	0			0
510	TN1	Cô phiêu Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings	0	0			0
511	TNT	Công ty Cổ phần Tài nguyên	0	0			0
512	TOT	CTCP Transimex Logistics	0	0			0
513	TPC	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng	0	0			0
514	TSB	Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng	0	0			0
515	TTA	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	50	0			0
516	TTC	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	0	0			0
517	TTT	Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh	0	0			0
518	TV3	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	0	0			0
519	TV4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	0	0			0
520	TVB	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	0	0			0
521	TVC	CTCP Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	0	0			0
522	TVD	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	0	0			0
523	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	0	0			0
524	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	0	0			0
525	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico	0	0			0
526	UNI	CTCP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	0	0			0
527	V12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	0	0			0
528	V21	Công ty Cổ phần VINACONEX 21	0	0			0
529	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	0	0			0
530	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	0	0			0
531	VC6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	0	0			0
532	VC7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	0	0			0
533	VCC	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	0	0			0
534	VCF	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	0	0			0
535	VCM	CTCP BV LIFE	0	0			0
536	VDL	CTCP Thực phẩm Lâm Đồng	0	0			0
537	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	0	0			0
538	VFG	Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam	0	0			0
539	VFS	Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	50	0			0
540	VGP	CTCP Cảng rau quả	0	0			0
541	VHE	Cô phiêu Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 02/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T02/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T01/2026	Thay đổi	
542	VID	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	0	0			0
543	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	0	0			0
544	VIT	CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA TIỀN SƠN	0	0			0
545	VLA	CTCP Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang	0	0			0
546	VMC	Công ty cổ phần VIMECO	0	0			0
547	VMS	CTCP Phát triển Hàng hải	0	0			0
548	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	0	0			0
549	VNF	Công ty cổ phần Vinafreight	0	0			0
550	VNL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	0	0			0
551	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	0	0			0
552	VNS	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	0	0			0
553	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	0	0			0
554	VPG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	50	0			0
555	VPL	Công ty cổ phần Vinpearl	50	0			0
556	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	0	0			0
557	VRC	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	0	0			0
558	VSA	Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	0	0			0
559	VSH	CTCP Thủy Điện Vĩnh Sơn -Sông Hình	0	0			0
560	VSI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	0	0			0
561	VSM	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	0	0			0
562	VTB	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	0	0			0
563	VTH	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	0	0			0
564	VTZ	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	50	0			0
565	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	0	0			0
566	WSS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	0	0			0
567	X20	Công ty cổ phần X20	0	0			0
568	YBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	0	0			0
569	YEG	Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah1	0	0			0